TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/10/2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Hiến

2. Ông Nguyễn Văn Duật

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã BT, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn Vinh An, xã Bình Điền, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thành V, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã BT, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tr kết hôn với anh Đặng Thành V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã BT, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Tr nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bản thân chị Tr nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên chị Tr yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thành V.

Anh V cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến chị Tr bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Đặng Thị Triệu V, sinh ngày 08/6/2010. Hiện nay cháu V đang ở với Anh V. Nếu ly hôn chị Tr giao cháu V cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị Tr cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng. Anh V cũng thống nhất ý kiến như chị Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập Anh V lần thứ hai đến phiên hòa giải nhưng Anh V cố tình vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt Anh V. Tòa án đã triệu tập hợp lệ Anh V lần thứ hai nhưng Anh V vắng mặt tại phiên tòa. Anh V không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr kết hôn với anh Đặng Thành V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã BT, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Tr, Anh V chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Tr, Anh V đều thừa nhận rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của chị Tr, Anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Tr yêu cầu được ly hôn và Anh V cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Đặng Thị Triệu V, sinh ngày 08/6/2010. Hiện nay cháu V đang ở với Anh V. Nếu ly hôn chị Tr, Anh V thỏa thuận là giao cháu V cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị Tr cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của chị Tr, Anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu V và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tr được ly hôn với anh Đặng Thành V.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Triệu V, sinh ngày 08/6/2010 cho anh Đặng Thành V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9894 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Chị Tr còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND xã BT;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hữu Nam